

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ SÀI GÒN - HÀ NỘI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 23



Số: 84/2014/AP-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn - Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 25/03/2014 và được trình bày từ trang số 04 đến trang số 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

2 - C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
SÀI GÒN - HÀ NỘI
TRUNG

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính đến các vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 02 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế: Doanh thu chỉ đạt khoảng 2,3 tỷ đồng (năm 2012 khoảng 3,7 tỷ đồng); kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty bị lỗ khoảng 5,934 tỷ đồng (năm 2012 Công ty bị lỗ khoảng 6,641 tỷ đồng) làm cho lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2013 khoảng 5,847 tỷ đồng, dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh năm 2013 là âm khoảng 7,248 tỷ đồng (năm 2012 là âm khoảng 9,224 tỷ đồng). Việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo cũng như việc thu hồi kịp thời các khoản công nợ phải thu và các sự hỗ trợ khác của chủ sở hữu (nếu có).

Như đã trình bày tại thuyết minh số 11 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh ("BWI") ngày 01/12/2010, Công ty thực hiện góp vốn với BWI để mua lại quyền khai thác 1.220 m² đất tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Số tiền Công ty đã góp và đang được ghi nhận tại khoản mục "Đầu tư tài chính dài hạn" trên Bảng Cân đối kế toán là 4,88 tỷ đồng. Đến hết ngày 31/12/2013, Công ty đã ủy quyền cho BWI ký hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khu đất nói trên cho Công ty Cổ phần Dược liệu Hà Nội. Khách hàng đã tạm ứng một phần cho BWI theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng khu đất; BWI đã chuyển trả cho Công ty số tiền là 300.000.000 đồng. Theo Biên bản làm việc ngày 20 tháng 12 năm 2013 giữa BWI và Công ty, hai bên sẽ quyết toán và thanh lý hợp đồng ủy thác nói trên trong quý 1 năm 2014.



Vũ Bình Minh
Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0034-2013-148-1

Đoàn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1396-2013-148-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2013

Mẫu số B 01-CTQ

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		18.760.623.739	25.217.558.405
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.546.646.072	9.555.620.587
1. Tiền	111		1.546.646.072	2.555.620.587
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	7.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	11.877.473.242	11.412.878.346
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.900.726.837	11.413.340.158
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(23.253.595)	(461.812)
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.991.679.166	3.524.844.833
1. Phải thu của khách hàng	131		1.045.883.328	294.429.328
2. Trả trước cho người bán	132		7.816.775	28.551.642
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		3.824.444.644	3.115.092.646
5. Các khoản phải thu khác	135	5	159.678.740	132.915.538
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(46.144.321)	(46.144.321)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		344.825.259	724.214.639
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	177.529.998	557.913.154
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		89.245.885	89.245.885
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		78.049.376	77.055.600
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		46.194.292.898	46.658.670.773
II. Tài sản cố định	220		425.596.642	570.648.422
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	404.212.642	527.880.422
- Nguyên giá	222		1.090.985.699	1.550.521.660
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(686.773.057)	(1.022.641.238)
3. Tài sản cố định vô hình	227	9	21.384.000	42.768.000
- Nguyên giá	228		106.920.000	106.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.536.000)	(64.152.000)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	45.510.189.466	45.770.937.549
3. Đầu tư dài hạn khác	258		48.022.671.761	47.599.796.087
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(2.512.482.295)	(1.828.858.538)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		258.506.790	317.084.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	125.656.790	184.234.802
3. Tài sản dài hạn khác	268		132.850.000	132.850.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		64.954.916.637	71.876.229.178

Các Thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2013

Mẫu số B 01-CTQ
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.780.683.220	2.767.906.927
I. Nợ ngắn hạn	310		1.780.683.220	2.767.906.927
2. Phải trả cho người bán	312		64.950.002	78.042.914
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	5.830.209	103.280.559
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.525.227.328	2.006.387.773
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		184.675.681	580.195.681
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.174.233.417	69.108.322.251
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.951.343.840	8.951.343.840
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		70.583.270	70.583.270
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(5.847.693.693)	86.395.141
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		64.954.916.637	71.876.229.178

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		20.008.840.000	19.389.190.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		20.008.840.000	19.389.190.000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020		13.626.200.000	13.626.200.000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		25.297.917.221	3.494.169.927
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	24	25.223.035.861	3.494.169.927
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		74.881.360	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		368.060.229.122	585.102.524.763
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	25	368.060.229.122	585.102.524.763
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		-	-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		469.892.114.944	474.280.193.568
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		4.290.082.174	11.361.476.612

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 02-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu	01	15	2.355.931.891	3.717.261.360
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		2.355.931.891	3.717.261.360
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	16	1.211.081.289	2.627.549.997
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		1.144.850.602	1.089.711.363
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	988.344.672	4.004.864.496
7. Chi phí tài chính	22	18	2.233.181.592	2.854.133.063
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	5.836.602.566	8.595.301.909
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.936.588.884)	(6.354.859.113)
10. Thu nhập khác	31		2.500.050	170.695.231
11. Chi phí khác	32		-	457.565.732
12. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác	40		2.500.050	(286.870.501)
13. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế	50		(5.934.088.834)	(6.641.729.614)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(5.934.088.834)	(6.641.729.614)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(989)	(1.107)

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập

Giám đốc tài chính

2 Tổng Giám đốc



Lại Thị Tuyết



Nguyễn Diệu Trinh



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 03-CTQ
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	1	23.674.875.024	27.227.491.805
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(24.913.421.229)	(28.290.935.494)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(4.824.311.222)	(6.984.219.938)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.049.968.329	21.658.182.158
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(2.235.151.417)	(22.835.416.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(7.248.040.515)	(9.224.898.431)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.500.000	7.200.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(186.734.000)	(2.364.118.899)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	7.081.666.400
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23.300.000	1.362.175.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(160.934.000)	6.086.922.501
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(8.008.974.515)	(3.137.975.930)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.555.620.587	12.693.596.517
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.546.646.072	9.555.620.587

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Tổng Giám đốc



Trần Minh Hoàng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

MẪU SỐ B 05-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
			Năm trước		Năm nay			
	Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	8.951.343.840	8.951.343.840	-	-	-	-	8.951.343.840	8.951.343.840
3. Quỹ dự phòng tài chính	70.583.270	70.583.270	-	-	-	-	70.583.270	70.583.270
4. Lợi nhuận chưa phân phối	6.728.124.755	86.395.141	-	6.641.729.614	-	5.934.088.834	86.395.141	(5.847.693.693)
Cộng	75.750.051.865	69.108.322.251	-	6.641.729.614	-	5.934.088.834	69.108.322.251	63.174.233.417

Người lập

Lại Thị Tuyết

Giám đốc tài chính

Nguyễn Diệu Trinh

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Tổng Giám đốc

Trần Minh Hoàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Sài Gòn – Hà Nội (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 32/UBCK-GP ngày 24/4/2008 của Ủy ban Chứng khoán nhà nước. Giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 28/11/2012. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đ/cổ phần.

Danh sách các cổ đông của Công ty chi tiết như sau:

Tên cổ đông	Số lượng CP	Giá trị	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	624.000	6.240.000.000	10,4%
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	732.000	7.320.000.000	12,2%
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam	480.000	4.800.000.000	8,0%
Công ty TNHH Quốc tế Sao Đỏ	420.000	4.200.000.000	7,0%
Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc-Vinacomin	300.000	3.000.000.000	5,0%
Các cổ đông khác	3.444.000	34.440.000.000	57,4%
Tổng cộng	6.000.000	60.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 7 Tòa nhà 165 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2013 là 15 người (năm 2012 là 17 người) trong đó có 6 người có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ.

Ngành nghề kinh doanh: Quản lý quỹ đầu tư, Quản lý danh mục đầu tư và Tư vấn đầu tư.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 do Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh năm 2013 của Công ty tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế: Doanh thu chỉ đạt 2,355 tỷ đồng (năm 2012 khoảng 3,717 tỷ đồng); kết quả kinh doanh năm 2013 của Công ty bị lỗ khoảng 5,934 tỷ đồng (năm 2012 Công ty bị lỗ khoảng 6,641 tỷ đồng) làm cho lỗ lũy kế tại ngày 31/12/2013 khoảng 5,847 tỷ đồng; dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh năm 2013 âm 7,248 tỷ (năm 2012 là âm 9,224 tỷ đồng). Việc cải thiện tình hình tài chính của Công ty sẽ phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo cũng như tình hình thu hồi kịp thời các khoản công nợ phải thu và các sự hỗ trợ khác của chủ sở hữu (nếu có). Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng thị trường chứng khoán đang có những chuyển biến tích cực, hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ nhiều thuận lợi hơn nên cho rằng Báo cáo tài chính năm 2013 được lập dựa trên giả thiết hoạt động liên tục là phù hợp.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư có hiệu lực áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính từ năm 2011. Ban Giám đốc đã trình bày Thuyết minh về Công cụ tài chính tại Thuyết minh số 23 kèm theo.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi và hạch toán riêng biệt ở tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu bao gồm phải thu lãi hoạt động đầu tư, phải thu phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, phải thu về thường hoạt động.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị có thể thực hiện được ước tính sau khi đã lập dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, tiền thuê văn phòng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn dưới một năm. Các chi phí này được tập hợp vào các khoản chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Cụ thể như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh).
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp tối thiểu bởi ba (3) công ty chứng khoán tại ngày lập dự phòng.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào công ty khác mà doanh nghiệp nắm giữ ít hơn 20% quyền biểu quyết và các khoản hợp tác đầu tư với thời hạn trên 12 tháng. Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập khi giá trị vốn chủ sở hữu của các công ty này thấp hơn tổng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm trích lập theo các quy định hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; năm 2013, Công ty lần đầu tiên áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC trong việc trích khấu hao tài sản cố định thay thế cho việc áp dụng Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 trong các kỳ kế toán trước. Việc áp dụng Thông tư số 45/2013/TT-BTC không làm thay đổi mức trích khấu hao của các tài sản cố định mà Công ty đang áp dụng. Tiêu thức xác định nguyên giá tài sản cố định của Công ty được điều chỉnh lại phù hợp với quy định mới. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

Năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 - 4

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí này được tập hợp vào các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm đến 03 năm theo quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, phí quản lý danh mục đầu tư, phí thưởng hoạt động. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi xác định được một cách chắc chắn và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán là phần chênh lệch giữa giá bán và trị giá vốn của chứng khoán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, không có khoản tài sản hoặc công nợ nào được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Đồng thời, Công ty có số lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ với khoản lợi nhuận chịu thuế của các năm tiếp theo; tuy nhiên Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại liên quan tới khoản lỗ tính thuế mang sang do không chắc chắn về việc có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	4.256.900	110.465.400
Tiền gửi ngân hàng	1.542.389.172	2.445.155.187
Các khoản tương đương tiền	-	7.000.000.000
Tổng cộng	1.546.646.072	9.555.620.587

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Cổ tức được nhận	646.800	646.800
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	61.777.627	87.633.853
Phải thu khác	97.254.313	44.634.885
Tổng cộng	159.678.740	132.915.538

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	857.125	11.900.726.837	795.160	11.413.340.158
Trong đó:				
- Cổ phiếu niêm yết	65.125	505.926.837	3.160	18.540.158
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần địa ốc Sài Gòn Thương Tín</i>	265	1.519.249	3.100	17.772.346
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội</i>	60	767.812	60	767.812
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần thép Việt Ý</i>	10.200	124.105.873	-	-
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Intresco</i>	35.000	281.922.250	-	-
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai</i>	19.600	97.611.653	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	792.000	11.394.800.000	792.000	11.394.800.000
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Hóa dầu Dầu khí VIDAMO</i>	400.000	6.010.000.000	400.000	6.010.000.000
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Công đoàn Việt Nam</i>	392.000	5.384.800.000	392.000	5.384.800.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(23.253.595)		(461.812)
- <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội</i>	60	(413.812)	60	(461.812)
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần thép Việt Ý</i>	10.200	(8.845.880)	-	-
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần Intresco</i>	35.000	(12.422.250)	-	-
+ <i>Cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai</i>	19.600	(1.571.653)	-	-
Tổng cộng	857.125	11.877.473.242	795.160	11.412.878.346

(*): Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết. Mặc dù vậy Ban Giám đốc đánh giá Công ty không phát sinh các khoản lỗ tiềm tàng từ các cổ phiếu này đến thời điểm lập Báo cáo tài chính 2013, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	5.749.997	116.899.421
Tiền thuê văn phòng	163.500.001	136.500.000
Chi phí trả trước khác	8.280.000	304.513.733
Tổng cộng	<u>177.529.998</u>	<u>557.913.154</u>

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị dụng cụ quản lý</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2013	32.120.000	898.250.300	620.151.360	1.550.521.660
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm theo Thông tư 45	32.120.000	-	427.415.961	459.535.961
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>898.250.300</u>	<u>192.735.399</u>	<u>1.090.985.699</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2013	26.766.674	404.212.630	591.661.934	1.022.641.238
Khấu hao trong năm	2.676.661	89.825.028	7.977.543	100.479.232
Giảm theo Thông tư 45	29.443.335	-	406.904.078	436.347.413
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>494.037.658</u>	<u>192.735.399</u>	<u>686.773.057</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	5.353.326	494.037.670	28.489.426	527.880.422
Tại ngày 31/12/2013	<u>-</u>	<u>404.212.642</u>	<u>-</u>	<u>404.212.642</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn đang sử dụng tại 31/12/2013 là 192.735.400 đồng (tại 31/12/2012 là 474.407.761 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 1/1/2013	106.920.000	106.920.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2013	106.920.000	106.920.000
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 1/1/2013	64.152.000	64.152.000
Khấu hao trong năm	21.384.000	21.384.000
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2013	85.536.000	85.536.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2013	42.768.000	42.768.000
Tại ngày 31/12/2013	21.384.000	21.384.000

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ dụng cụ	8.733.990	8.861.322
Chi phí sửa chữa văn phòng	112.545.200	173.933.480
Khác	4.377.600	1.440.000
Tổng cộng	125.656.790	184.234.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư dài hạn (*)	1.347.379	14.165.103.978	1.347.379	14.165.103.978
Trong đó:				
- Cổ phiếu niêm yết	776.759	6.346.736.638	776.759	6.346.736.638
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	776.759	6.346.736.638	776.759	6.346.736.638
- Cổ phiếu chưa niêm yết	570.620	7.818.367.340	570.620	7.818.367.340
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng	184.800	3.869.167.340	184.800	3.869.167.340
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bộ nhớ điện tử	372.820	3.728.200.000	372.820	3.728.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8	13.000	221.000.000	13.000	221.000.000
Đầu tư dài hạn khác		33.857.567.783		33.434.692.109
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTĐT/SHF ngày 2/10/2010 (i)		8.420.437.339		8.233.703.339
- Hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Xanh theo thỏa thuận hợp tác đầu tư số 2010/HTĐT/SHF ngày 01/12/2010 (ii)		4.880.000.000		4.880.000.000
- Hợp tác đầu tư với ông Nguyễn Ngọc Phúc (iii)		6.286.141.674		6.050.000.000
- Góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (PSI) (iv)		14.270.988.770		14.270.988.770
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.512.482.295)		(1.828.858.538)
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	776.759	(1.064.775.438)	776.759	(1.763.858.538)
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 8	372.820	(65.000.000)	13.000	(65.000.000)
- Góp vốn vào Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí (PSI)		(1.382.706.857)		-
Tổng cộng	1.347.379	45.510.189.466	1.347.379	45.770.937.549

(i): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh ("BWI") để mua lại quyền thuê đất nông nghiệp tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Khu đất sẽ được lập dự án xin chuyển đổi thành đất ở đô thị. Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư: Hai bên thống nhất thành lập công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Sóng Xanh Hà Nội để quản lý và khai thác khu đất. Công ty ủy thác vốn đầu tư và ủy quyền cho BWI thực hiện các giao dịch và thủ tục pháp lý liên quan đến việc mua lại khu đất trên. Theo đó, hiện tại BWI và Ông Lê Anh Dũng đang đứng tên thành viên góp vốn vào công ty con nói trên. Hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý để chuyển đổi thành cổ đông góp vốn trực tiếp vào Công ty TNHH Đầu tư Sóng Xanh Hà Nội.

(ii): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần đầu tư Sóng Xanh ("BWI") để mua lại quyền khai thác 1.220 m² đất tại khu vực quận Long Biên, Hà Nội. Tổng số tiền mua khoảng 6,1 tỷ đồng. Quyền khai thác lô đất sẽ được chuyển nhượng lại cho nhà đầu tư khác hoặc xin chuyển đổi thành đất ở đô thị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Công ty đã ủy quyền cho BWI ký hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khu đất nói trên cho Công ty Cổ phần Dược liệu Hà Nội. Đến hết 31/12/2013, khách hàng đã tạm ứng một phần cho BWI theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng khu đất; BWI đã chuyển trả cho Công ty số tiền là 300.000.000 đồng. Theo Biên bản làm việc ngày 20 tháng 12 năm 2013 giữa BWI và Công ty, hai bên sẽ quyết toán và thanh lý hợp đồng ủy thác nói trên trong quý 1 năm 2014, theo đó kết quả của việc chuyển nhượng quyền khai thác tài sản hình thành từ khoản góp vốn với BWI sẽ được Công ty hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2014.

(iii): Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/TTGVDT/2011 ngày 03/01/2011 với ông Nguyễn Ngọc Phúc để mua lại quyền sử dụng đất và công trình trên đất thuộc khu đất có diện tích 103,2 m² tại số 1116 đường 3/2 phường 12, quận 11 thành phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ góp vốn mỗi bên là 50/50. Công ty giao cho Ông Nguyễn Ngọc Phúc đứng tên trên Giấy chứng nhận sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Theo biên bản làm việc ngày 28/6/2013 giữa Ông Nguyễn Ngọc Phúc, Ông Hồ Văn Lâm và Công ty; Ông Nguyễn Ngọc Phúc sang tên sở hữu nhà cho Ông Hồ Văn Lâm và Công ty và việc chia tách được thực hiện sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục để sang tên sở hữu khu đất này.

(iv): Phản ánh giá trị của 1.159.000 cổ phiếu Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (mã chứng khoán PSI) theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 86/HĐ2009/PSI-SHF ngày 06/10/2009, chiếm 1,94% vốn điều lệ của PSI. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí chưa có Báo cáo tài chính đã được kiểm toán; theo đó dự phòng giảm giá cổ phiếu PSI được Công ty trích lập dựa trên Báo cáo tài chính năm 2013 trước kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí.

(*): Là các khoản đầu tư cho mục đích dài hạn, Công ty không có kế hoạch chuyển nhượng các khoản đầu tư chứng khoán này trong thời gian 12 tháng tiếp theo. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty không đủ căn cứ để xác định giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết. Mặc dù vậy Ban Giám đốc đánh giá Công ty không phát sinh các khoản lỗ tiềm tàng từ các cổ phiếu này đến thời điểm lập Báo cáo tài chính 2013, theo đó Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán các khoản đầu tư cổ phiếu này.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	654.545
Thuế thu nhập cá nhân	5.830.209	102.626.014
Tổng cộng	5.830.209	103.280.559

13. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
BHXX, BHYT, BHTN	55.447.692	61.857
Kinh phí công đoàn	7.253.900	39.771.500
Cổ tức phải trả	-	600.000.000
Phải trả danh mục ủy thác	914.606.071	895.286.846
Các khoản phải trả phải nộp khác	547.919.665	471.267.570
Tổng cộng	1.525.227.328	2.006.387.773

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. CỔ PHẦN

	Năm 2013	Năm 2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu thường	6.000.000	6.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

15. DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	2.355.294.482	3.545.980.340
Doanh thu khác	637.409	171.281.020
Tổng cộng	2.355.931.891	3.717.261.360

16. CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.121.709.378	2.374.465.515
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.945.155	52.865.459
Chi phí DV mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	85.426.756	200.219.023
Tổng cộng	1.211.081.289	2.627.549.997

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi	292.748.964	831.563.552
Lãi đầu tư chứng khoán	672.295.708	2.410.304.544
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.300.000	762.175.000
Doanh thu tài chính khác	-	821.400
Tổng cộng	988.344.672	4.004.864.496

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lỗ đầu tư chứng khoán	1.468.172.064	7.113.962.361
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	706.415.540	(4.462.096.540)
Chi phí hoạt động đầu tư khác	58.593.988	202.267.242
Tổng cộng	2.233.181.592	2.854.133.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.723.905.618	4.443.253.235
Chi phí khấu hao TSCĐ	117.918.077	333.135.767
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	46.144.321
Chi phí DV mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	1.991.778.871	3.769.768.586
Tổng cộng	5.836.602.566	8.595.301.909

20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(5.934.088.834)	(6.641.729.614)
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(989)	(1.107)

21. THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	654.000.000	2.598.282.027
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản thuê hoạt động với lịch thanh toán dự kiến như sau:		
	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	654.000.000	654.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.798.500.000	2.452.500.000
Sau năm năm	-	-
	2.452.500.000	3.106.500.000

22. GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

SÓ DƯ BÊN LIÊN QUAN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải thu		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	3.644.342.375	2.784.554.268
Phải trả khác		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	914.606.071	895.286.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

GIAO DỊCH BÊN LIÊN QUAN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.606.588.048	2.269.656.331
Cổ tức được chia		
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	320.975.000

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản phải trả trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được nêu tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.546.646.072	9.555.620.587
Đầu tư ngắn hạn	11.877.473.242	11.412.878.346
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.922.084.764	3.496.293.191
Đầu tư dài hạn	45.510.189.466	45.770.937.549
Tài sản tài chính khác	132.850.000	132.850.000
Cộng	63.989.243.544	70.368.579.673
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.527.475.738	2.084.430.687
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	1.527.475.738	2.084.430.687

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTQ***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá cổ phiếu do thực hiện mua một số loại cổ phiếu nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường cổ phiếu nhằm quản lý thời điểm mua cổ phiếu và bán cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2013.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2013 là 46.144.321 đồng (tại ngày 31/12/2012 là 46.144.321 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản phải trả ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.527.475.738	-	1.527.475.738
Tại 31/12/2012			
Phải trả người bán và phải trả khác	2.084.430.687	-	2.084.430.687

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-CTQ

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.546.646.072	-	1.546.646.072
Đầu tư ngắn hạn	11.877.473.242	-	11.877.473.242
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.922.084.764	-	4.922.084.764
Đầu tư dài hạn		45.510.189.466	45.510.189.466
Tài sản tài chính khác		132.850.000	132.850.000

24. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.494.169.927	696.199.838
Tăng trong năm	419.768.041.014	587.748.707.609
Giảm trong năm	397.964.293.720	584.950.737.520
Số dư cuối năm	25.297.917.221	3.494.169.927

25. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	101.801.962.122	281.246.617.762
Cổ phiếu chưa niêm yết	127.340.000.000	164.937.640.000
Trái phiếu	135.418.267.000	135.418.267.001
Khác	3.500.000.000	3.500.000.000
Tổng cộng	368.060.229.122	585.102.524.763

26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

27. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Người lập

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc



Lại Thị Tuyết

Nguyễn Diệu Trinh

Trần Minh Hoàng